

Bản án số: 02/2025/DS- ST

Ngày: 23- 01- 2025

*“Tranh chấp hợp đồng mua bán  
tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Hải Nam và ông Trương Quang Huy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Đình Mười- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/TLST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01 ngày 08 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

*Đồng nguyên đơn:* Ông Hoàng Đình T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm 2, thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt;

*Bị đơn:* Anh Lê Thế L; địa chỉ: Xóm 2, thôn X, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2024, bản tự khai ngày 02/10/2024 đồng nguyên đơn ông Hoàng Đình T và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vợ chồng ông Hoàng Đình T và bà Nguyễn Thị H làm nghề kinh doanh vật liệu xây dựng, do mối quan hệ quen biết ở cùng thôn, cùng xã nên vào năm 2020 anh Lê Thế L ở thôn X, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình đến cửa hàng vật liệu xây dựng của ông T, bà H để mua vật liệu gồm: cát, sạn, xi măng, gạch men, với tổng giá trị 8.500.000 đồng; đến năm 2022 vợ chồng ông T, bà H tiếp tục bán cho anh L số lượng 85 tấn xi măng và công bốc xếp tổng trị giá: 130.200.000 đồng. Trong hai lần bán vật liệu cho anh L, anh L mới trả cho ông T, bà H số tiền 80.000.000 đồng, anh L còn nợ lại là 58.700.000 đồng (năm mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng) anh L chưa trả và đã có giấy ghi nợ tại sổ nợ. Vì cần vốn xoay vòng và phải thanh toán cho đại lý cung cấp, vợ chồng ông T bà H đã

nhiều lần liên hệ và gặp trực tiếp anh L để đòi nợ số tiền trên, nhưng thời gian đã lâu anh L vẫn không chịu thanh toán cho vợ chồng ông T. Anh L đã có cam kết sẽ trả nợ cho vợ chồng ông T trước ngày 31/7/2024. Sau thời gian cam kết vợ chồng ông T đã liên lạc với anh L nhưng anh L không có thiện chí trả nợ. Do đó, vợ chồng ông T bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Thế L phải thanh toán toàn bộ số nợ tổng cộng số tiền 58.700.000 đồng (năm mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh của 58.700.000 đồng, tính từ ngày 01/8/2024 cho đến khi anh L thực hiện hoàn tất việc trả nợ cho vợ chồng ông T bà H.

Tại phiên tòa, ông Hoàng Đình T và bà Nguyễn Thị H trình bày:

Trước đây trong đơn khởi kiện ông T, bà H yêu cầu anh L phải trả tiền số tiền 58.700.000 đồng (năm mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh của số tiền 58.700.000 đồng, tính từ ngày 01/8/2024 cho đến ngày xét xử. Nhưng tại phiên tòa, ông T, bà H chỉ yêu cầu anh L phải trả số tiền 50.200.000 đồng (Năm mươi triệu hai trăm nghìn đồng) không yêu cầu anh L phải thanh toán tiền lãi từ ngày 01/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Yêu cầu anh L phải trả tiền lãi chậm thi hành án từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho tới khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Lê Thế L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai cũng như các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ.

Theo xác nhận của Công an xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình xác nhận: Anh Lê Thế L, sinh ngày 12/6/1983; nơi đăng ký HKTT tại xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay anh Lê Thế L đang làm ăn sinh sống, có mặt tại địa phương.

Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn anh Lê Thế L vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất ngày 08/01/2025.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy kiểm sát việc tuân theo pháp luật có quan điểm:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về Hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 266, 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 434, 460, 468 của Bộ luật dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, buộc bị đơn Lê Thế L phải trả nợ cho ông Hoàng Đình T và bà Nguyễn Thị H số tiền 50.200.000 đồng (năm mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Về án phí: Đề nghị tuyên xử bị đơn Lê Thế L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra và kết quả hỏi tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến bị đơn nhưng anh Lê Thế L vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Anh Lê Thế L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 08/01/2025 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn vẫn vắng mặt mặc dù Tòa án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ.

Theo xác nhận của Công an xã L, anh Lê Thế L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Xóm 2, thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình, hiện đang làm ăn sinh sống có mặt tại địa phương. Tuy nhiên, Tòa án nhiều lần thực hiện việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng tại nhà đương sự đều không được, do nhà thường xuyên khóa ngoài, hỏi người dân xung quanh không ai biết anh Lê Thế L đi đâu, làm gì. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Thế L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp về “Hợp đồng mua bán tài sản” thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đăng ký thường trú tại xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự:

Theo các giấy tờ do đồng nguyên đơn cung cấp về việc ký giấy cam kết nợ của bị đơn. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giao dịch dân sự giữa ông T bà H và anh Lê Thế L không bị vô hiệu.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo các giấy tờ do đồng nguyên đơn cung cấp về việc ký giấy cam kết nợ của bị đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Anh Lê Thế L; cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình còn nợ ông Hoàng Đình T và bà Nguyễn Thị H, cư trú tại thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình tiền mua vật liệu xây dựng với số tiền 50.200.000 đồng (năm mươi

triệu hai trăm nghìn đồng). Vì vậy cần buộc anh Lê Thế L phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông T, bà H số tiền 50.200.000 đồng là phù hợp với các Điều 351 và 440 Bộ luật dân sự.

[4.1] Đối với yêu cầu của đồng nguyên đơn rút một phần yêu cầu anh L thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nợ 50.200.000 đồng từ ngày 01/8/2024 đến ngày cho đến khi anh L trả hết nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi thỏa thuận với nhau về việc mua vật liệu xây dựng, các bên không đề cập đến nghĩa vụ trả lãi khi vi phạm thời gian trả nợ; tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số tiền chậm trả. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu; việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là tự nguyện và có lợi cho bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về rút yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn tiền lãi chậm thi hành án cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ. Vì vậy, cần buộc anh Lê Thế L phải trả lãi đối với khoản tiền nợ ông T, bà H số tiền 50.200.000 đồng (năm mươi triệu hai trăm nghìn đồng) kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của đồng nguyên đơn được chấp nhận nên đồng nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 5% số tiền phải trả cho đồng nguyên đơn theo quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 266, 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 351, 357, 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Hoàng Đình T và bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn anh Lê Thế L phải trả nợ cho ông Hoàng Đình T và bà Nguyễn Thị H số tiền 50.200.000 đồng (năm mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (23/01/2025) cho đến khi anh Lê Thế L trả hết tiền nợ, hàng tháng anh Lê Thế L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả cho đến khi trả hết nợ.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

2/ Đình chỉ yêu cầu giải quyết khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc rút yêu cầu bị đơn trả khoản tiền lãi theo lãi suất cho vay của ngân hàng nhà nước trên số tiền nợ từ ngày 01/8/2024 đến ngày xét xử (23/01/2025).

3/ Về án phí: Buộc anh Lê Thế L phải chịu 2.510.000 đồng (Hai triệu năm trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho ông Hoàng Đình T và bà Nguyễn Thị H số tiền 1.467.000 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0004444 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/01/2025); đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú và trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hương**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Hương**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
TÒA**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN**





